

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN TRÀ ÔN
TỈNH VĨNH LONG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 69/2018/HNGĐ-ST

Ngày: 14-8-2018

V/v tranh chấp ly hôn, con chung

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN TRÀ ÔN, TỈNH VĨNH LONG**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Hồ Hoàng Phong

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Lê Văn Quới

2. Ông Võ Ngọc Ba

- Thư ký phiên tòa: Bà Huỳnh Ngọc Y – Thư ký Tòa án nhân dân huyện Trà Ôn, tỉnh Vĩnh Long.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Trà Ôn, tỉnh Vĩnh Long tham gia phiên tòa: ông Bùi Thành Hiếu - Kiểm sát viên

Ngày 14 tháng 8 năm 2018, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Trà Ôn, tỉnh Vĩnh Long xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 148/2018/TLST-HNGĐ ngày 11 tháng 4 năm 2018, về việc “*Tranh chấp ly hôn, con chung*” theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 68/2018/QĐXX-ST ngày 02 tháng 7 năm 2018, giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Anh Nguyễn Văn K, sinh năm 1987.

Bị đơn: chị Thạch Thị P, sinh năm 1989 “vắng mặt”.

Người làm chứng: 1. Bà Phạm Thị D, sinh năm 1961 “vắng mặt”.

2. Bà Phạm Thị Y, sinh năm 1953 “vắng mặt”.

Cùng địa chỉ cư trú: ấp V, xã H, huyện C, tỉnh Vĩnh Long.

NỘI D V VỤ ÁN:

Trong đơn khởi kiện ngày 10 tháng 4 năm 2018 và các lời khai trong quá trình giải quyết vụ án cũng như tại phiên tòa nguyên đơn anh Nguyễn Văn K trình bày: Anh và bị đơn chị Thạch Thị P kết hôn vào năm 2010 và có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã H vào ngày 05/8/2011. Thời gian chung sống được 04 năm nhưng không hạnh phúc, nguyên nhân vợ chồng không có chung quan điểm, thường cự cãi nhau. Vợ đã ly thân

khoảng 04 năm nay. Quá trình chung sống, vợ chồng có 02 con chung tên Thạch Nguyễn P, sinh ngày 18/9/2011 và Thạch Nguyễn B, sinh ngày 29/11/2013, hiện anh đang nuôi. Nay anh xét thấy tình cảm vợ chồng không còn, yêu cầu ly hôn với chị P, con chung anh yêu cầu tiếp tục nuôi, không yêu cầu chị P cấp dưỡng nuôi con. Về tài sản chung, nợ chung không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Sau khi thụ lý đơn của anh Nguyễn Văn K, Tòa án đã tổng đạt thông báo về việc thụ lý vụ án; thông báo về phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai, chứng cứ và hòa giải cho bị đơn nhưng phía bị đơn chị Thạch Thị P không trả lời ý kiến bằng văn bản về nội dung khởi kiện của nguyên đơn và không đến tham gia phiên họp và hòa giải cho nên không tiến hành phiên họp và hòa giải được giữa các đương sự. Tòa án quyết định đưa vụ án ra xét xử và triệu tập các đương sự đến tham gia phiên tòa sơ thẩm nhiều lần nhưng bị đơn vẫn vắng mặt không lý do.

Tại phiên tòa nguyên đơn vẫn giữ yêu cầu khởi kiện. Bị đơn vẫn vắng mặt.

Đại diện Viện kiểm sát phát biểu:

Về tố tụng: Tòa án thụ lý vụ án là đúng thẩm quyền. Quá trình giải quyết vụ án của Thẩm phán và trình tự, thủ tục xét xử của Hội đồng xét xử, Thư ký và nguyên đơn chấp hành đúng theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự. Đối với bị đơn không chấp hành đầy đủ về quyền và nghĩa vụ tố tụng theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Về nội D: Đề nghị áp dụng Điều 9, 56, 58, 81, 82, 83, Luật Hôn nhân và gia đình; điểm a khoản 5 Điều 27 của Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14, ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Xử cho anh Nguyễn Văn K được ly hôn với chị Thạch Thị P.

Giao 02 con chung Thạch Nguyễn P, sinh ngày 18/9/2011 và Thạch Nguyễn B, sinh ngày 29/11/2013 cho anh K tiếp tục nuôi dưỡng. chị P không phải cấp dưỡng nuôi con và có quyền, nghĩa vụ thăm nom con chung, không ai được quyền cản trở.

Về án phí dân sự sơ thẩm: Buộc anh K nộp 300.000đồng án phí ly hôn.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án, được thẩm tra tại phiên tòa, qua kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thủ tục tố tụng:

- Về thẩm quyền giải quyết: Anh Nguyễn Văn K khởi kiện yêu cầu ly hôn với chị Thạch Thị P, địa chỉ ấp V, xã H, huyện C, tỉnh Vĩnh Long. Theo quy định tại khoản 1 Điều 28 và điểm a khoản 1 Điều 35 của Bộ luật Tố tụng dân sự thì vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện C. Do đó, Tòa án nhân dân huyện C, tỉnh Vĩnh Long thụ lý giải quyết theo thủ tục sơ thẩm là đúng thủ tục tố tụng.

- Về người tham gia tố tụng:

Bị đơn chị Thạch Thị P vắng mặt không lý do. Căn cứ điểm b khoản 2 Điều 227 và khoản 3 Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự, Tòa án xét xử vắng mặt bị đơn chị P.

Người làm chứng vắng mặt nhưng đã có lời khai nên căn cứ khoản 2 Điều 229 của Bộ luật Tố tụng dân sự Tòa án xét xử vắng mặt những người làm chứng.

[2] Về quan hệ hôn nhân:

Anh Nguyễn Văn K và chị Thạch Thị P kết hôn và có đăng ký kết hôn ngày 05/8/2011 tại Ủy ban nhân dân xã H, huyện C theo giấy chứng nhận kết hôn số: 88 quyền số: 01/2011 và anh chị kết hôn cũng đảm bảo các điều kiện kết hôn theo quy định của pháp luật nên đây là hôn nhân hợp pháp.

Xét trong quá trình chung sống khoảng 04 năm anh K cho rằng vợ chồng sống không hạnh phúc, nguyên nhân vợ chồng bất đồng quan điểm nên thường cự cãi nhau. Vợ chồng không còn chung sống từ năm 2014 đến nay. Xét thấy mâu thuẫn vợ chồng đã thật sự trầm trọng, mục đích hôn nhân không đạt nên chấp nhận yêu cầu ly hôn của anh Nguyễn Văn K là phù hợp với Điều 56 của Luật Hôn nhân và gia đình.

[3] Về con chung: Anh K và chị P có 02 con chung là Thạch Nguyễn P, sinh ngày 18/9/2011 và Thạch Nguyễn B, sinh ngày 29/11/2013 hiện anh đang nuôi, anh yêu cầu được tiếp tục nuôi. Xét từ khi anh và chị P không còn sống chung đến nay 02 cháu đều sống với anh K cuộc sống cũng đảm bảo, chị P cũng không có ý kiến gì về việc yêu cầu nuôi con của anh K. Để tạo cuộc sống ổn định cho cháu nên tiếp tục giao 02 con chung cho anh K nuôi, chị P có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở là phù hợp Điều 81, 82, 83 Luật Hôn nhân và gia đình.

[4] Về cấp dưỡng nuôi con: anh K là người nuôi con, hiện tại cuộc sống cháu cũng đảm bảo, anh K không yêu cầu cấp dưỡng nên không đặt vấn đề giải quyết.

[5] Về tài sản chung, nợ chung: anh K và chị P không yêu cầu Tòa án giải quyết trong vụ án này, sau này có phát sinh tranh chấp sẽ khởi kiện bằng vụ kiện dân sự khác nên miễn xét.

[6] Về án phí dân sự sơ thẩm: Anh K phải nộp 300.000 đồng án phí ly hôn theo quy định tại điểm a khoản 5 Điều 27 của Nghị quyết số:

326/2016/UBTVQH14, ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Xét đề nghị của Kiểm sát viên là có căn cứ so với nhận định trên nên chấp nhận.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 3 Điều 228 khoản 2 Điều 229 của Bộ luật Tố tụng dân sự;

Áp dụng: Điều 56, 81, 82, 83 Luật Hôn nhân và gia đình; điểm a khoản 5 Điều 27 của Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14, ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn anh Nguyễn Văn K

1. Về hôn nhân:

Cho ly hôn giữa anh Nguyễn Văn K và chị Thạch Thị P.

2. Về nuôi con chung:

Giao 02 con chung Thạch Nguyễn P, sinh ngày 18/9/2011 và Thạch Nguyễn B, sinh ngày 29/11/2013 cho anh Nguyễn Văn K tiếp tục nuôi dưỡng, chị Thạch Thị P không phải cấp dưỡng nuôi con và chị P có quyền, nghĩa vụ thăm nom con chung, không ai được quyền cản trở.

3. Về án phí dân sự sơ thẩm:

Buộc anh Nguyễn Văn K phải nộp 300.000đ (*ba trăm ngàn đồng*) án phí ly hôn nhưng được khấu trừ vào tiền tạm ứng án phí 300.000đ (*ba trăm ngàn đồng*) anh K đã nộp theo biên lai thu số 0014532 ngày 11/04/2018 tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện C.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và Điều 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nguyên đơn có mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Bị đơn vắng mặt được quyền kháng cáo bản án

trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận bản án hoặc ngày niêm yết bản án tại nơi cư trú.

Nơi nhận:

- Dương sự;
 - Viện kiểm sát nhân dân huyện C;
 - Thi hành án dân sự huyện C;
 - Ủy ban nhân dân xã H
- (Giấy kết hôn số: 88, ngày 05/8/2011);
- Lưu hồ sơ vụ án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa
ĐÃ KÝ

Hồ Hoàng Phong